| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập –Tự do –Hạnh P** |

Bản án số: 188/2019/DS-PT
Ngày 05-11-2019
*V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Bằng.

*Các thẩm phán:* Ông Trương Công Bình.

Bà Đinh Thị Tuyết.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2019/TLPT-DS ngày 09/10/2019 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*". Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 240/2019/QĐXXPT-DS ngày 15/10/2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Đinh Văn T; Địa chỉ: Thôn C, xã B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

**2. Bị đơn**: Ông Nguyễn Trung Đ; Địa chỉ: Thôn B, xã B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

3.1 Bà Hà Thị L - Địa chỉ: Thôn C, xã B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

3.2 Bà Bùi Thị Tuyết M; Địa chỉ: Thôn B, xã B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

3.3 Ông Nguyễn Văn P, bà Đỗ Huỳnh Ngọc C; Địa chỉ: Thôn H, xã B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk (ông P có mặt, bà C vắng mặt).

3.4 Ủy ban nhân dân thị xã H. Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Phú L – Chức vụ: Chủ tịch UBND thị xã H, tỉnh Đắk Lắk. Đại diện theo ủy quyền tham gia

tố tụng: ông Võ Văn D – c/v: Phó chủ tịch UBND thị xã H, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: đường Đ, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

**4. Người làm chứng**:

4.1. Bà Hoàng Thị T; Địa chỉ: Thôn C, xã B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk.

4.2. Ông Nguyễn Tăng P; Địa chỉ: Thôn B, xã B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk.

4.3. Ông Mạc Văn H; Địa chỉ: Buôn B 2, xã B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk.

4.4. Ông Đinh Kim G; Địa chỉ: Thôn Chà L, xã B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk.

4.5. Ông Hoàng Văn P; Địa chỉ: Thôn C, xã B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk.

4.6. Bà Đinh Thị Đ; Địa chỉ: Thôn C, xã B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk.

4.7. Ông Vương Văn N; Địa chỉ: Thôn C, xã B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk.

4.8. Ông Hà Văn P; Địa chỉ: Thôn C, xã B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk.

(Tất cả người làm chứng đều vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Nguyên đơn ông Đinh Văn T trình bày*:** Năm 1995, vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng đất của ông P với diện tích là 10.000m$^2$, đo đạc lại chỉ còn 9.500m$^2$, thiếu 500m$^2$, nên ông P đồng ý cắt thêm 500m$^2$ đất, ở thửa đất đối diện, có tứ cận: phía đông giáp đất của ông Đ; phía tây và phía nam giáp đất của ông P, phía bắc giáp đường đi và có lập văn bản viết năm 1995, có ông Nông Văn T thôn trưởng chứng kiến (hiện nay ông T mất trí nhớ) do văn bản bị thất lạc. Đến năm 2011 ông P viết lại giấy chuyển nhượng khác cho gia đình tôi. Đến năm 1997 gia đình tôi đổi 500m$^2$ đất này cho ông Đ để lấy của ông Đ 500m$^2$ đất ở dưới sình, việc đổi đất chỉ có hai bên biết, không làm giấy tờ gì. Sau khi đổi đất xong thì gia đình ông Đ làm nhà và trồng cây trên phần đất của gia đình ông đã đổi cho ông Đ, còn phần đất sình ông Đ, không giao cho gia đình tôi mà ông Đ múc thành ao để thả cá.

Tôi khởi kiện yêu cầu ông Đ trả lại diện tích đất 500m$^2$ đã đổi cho ông T. Đ thời yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0430115 của ông Nguyễn Trung Đ, thửa đất số 88, tờ bản đồ số 14, diện tích 4.530m$^2$ do UBND huyện K (nay là UBND thị xã H) cấp ngày 13/9/1994.

***Bị đơn ông Nguyễn Trung Đ trình bày*:** Về nguồn gốc diện tích 500 m$^2$ đất mà ông Đinh Văn T cho là của vợ chồng ông ấy mua của ông P. Đó là diện tích đất của gia đình tôi khai hoang trước năm 1990. Năm 1994 được UBND huyện K (nay là thị xã H) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nằm trong giấy CNQSD đất số D 0430115 mang tên ông Nguyễn Xuân Đ (do nhầm lẫn, đã điều chỉnh tên lót là Nguyễn Trung Đ), thuộc thửa đất số 88, tờ bản đồ số 14, diện tích 4.530 m$^2$. Đến ngày 27/6/2007, gia đình tôi chuyển đổi mục đích cây trồng nên được UBND huyện K (nay là thị xã H) cấp lại giấy CNQSD đất mới số AI 786171 mang tên hộ ông Nguyễn Trung Đ, thửa đất số 88, tờ bản đồ số 14, diện tích 4.410 m$^2$. Nay ông

T khởi kiện yêu cầu gia đình tôi phải trả 500 $m^2$ đất cho ông T và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình tôi, tôi không đồng ý.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:***

1. Bà Hà Thị L trình bày: Bà L đồng ý với ý kiến, lời trình bày của chồng ông Đinh Văn T. Ngoài ra, bà L không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

2. Bà Bùi Thị Tuyết M: Bà M đồng ý với ý kiến, lời trình bày của chồng ông Nguyễn Trung Đ. Ngoài ra, bà M không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

3. Ông Nguyễn Văn P trình bày: Vào năm 1996, vợ chồng ông P có sang nhượng cho ông Đinh Văn T 01 lô đất diện tích 10.000 $m^2$ có tứ cận như sau: Phía đông giáp ông Hoàng Văn S, phía bắc giáp đất ông T, phía tây giáp đất của ông Vương Văn N, phía nam giáp đường đi, khi sang nhượng chúng tôi chỉ viết giấy tay chứ không có công chứng, chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền, đo đạc lại thấy thiếu 500$m^2$ nên tôi cắt cho ông T thêm 500 $m^2$ đất bên dưới đường đi, có tứ cận như sau: phía đông giáp đất ông Đ, phía bắc giáp đường, phía nam giáp ruộng, phía tây giáp đất bà Hoàng Thị T. Còn việc thỏa thuận giữa ông Đ và ông T như thế nào thì tôi không biết.

4. Đại diện Ủy ban nhân dân thị xã H trình bày: Kết quả kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ của các bên: Ông Nguyễn Trung Đ đã được Ủy ban nhân dân huyện K (nay là thị xã H) cấp giấy CNQSDĐ số AI 786171. Nguồn gốc của hai thửa đất thực tế ông P nhận chuyển nhượng của một người tên T nhưng không rõ nhân thân, lai lịch. Sau đó ông P trồng cà phê rồi mới sang nhượng cho ông T, khi ông P sang nhượng đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi cắt 500 $m^2$ đất dưới đường, phần đất còn lại dưới đường D.0430115, ký ngày 14/3/1994, vị trí thửa đất của ông Nguyễn Trung Đ được cấp giấy CNQSDĐ đúng với vị trí mà ông Đ đã kê khai đăng ký và hiện nay vẫn đang sử dụng. Kiểm tra giấy tờ sử dụng đất của ông Đinh Văn T thì toàn bộ diện tích đất chưa được cấp giấy CNQSDĐ. Quá trình làm việc với ông Đinh Văn T không cung cấp được các giấy tờ kể cả việc đổi đất nói trên. Vậy đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

***Người làm chứng: Ông Vương Văn N, bà Đinh Thị Đ, ông Hoàng Văn P, ông Đinh Kim G trình bày:***

Chúng tôi và gia đình ông T, ông Đ không có quan hệ họ hàng gì mà chỉ có mối quan hệ quen biết, về nội dung giấy sang nhượng đất ngày 09/6/1995 giữa ông P và ông T chúng tôi không biết, thời gian chúng tôi ký xác nhận vào giấy sang nhượng trên cách đây khoảng 02 năm ông T có mang tờ giấy sang nhượng đến nhà nhờ chúng tôi ký xác nhận.

Bà Hoàng Thị T, ông Hà Văn P và ông Mạc Văn H trình bày. Chúng tôi có ký vào giấy san nhượng đất lập ngày 9/6/1995 giữa ông P và ông T nhưng không

biết nội dung gì và cũng không chứng kiến việc mua đất giữa hai ông và chúng tôi mới ký vào giấy sang nhượng đó cách đây hai năm.

***Ông Nguyễn Tăng P trình bày:*** Ông không có quan hệ gì với ông Nguyễn Trung Đ, ông Hà Văn K, ông làm nghề khoan giếng, ai thuê thì ông làm. Năm 1997 ông K (ông K hiện đã chết) có thuê ông khoan giếng ở thôn C, ông không biết là đất của ai, trong khi khoan giếng ông chỉ nghe ông Đ nói là ông Đ cho ông K tưới nhờ.

Với nội dung trên: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 164, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các Điều 158, 221 Bộ luật dân sự năm 2015. Các Điều 24; 36; 73 Luật đất đai năm 1993. Các Điều 202, 203 Luật đất đai năm 2013. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn T về việc yêu cầu ông Nguyễn Trung Đ phải trả diện tích 500m$^2$ đất thuộc thửa đất số 88, tờ bản đồ số 14, diện tích 4.503m$^2$ do UBND huyện K (nay là UBND thị xã H) cấp ngày 13/9/1994 hộ ông Nguyễn Trung Đ có vị trí tứ cận như sau: phía đông giáp đất của ông Đông; phía tây và phía nam giáp đất của ông P, phía bắc giáp đường đi.

2. Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0430115 cấp cho hộ ông Nguyễn Trung Đ, thửa đất số 88, tờ bản đồ số 14, diện tích 4503m$^2$ do UBND huyện K (nay là UBND thị xã H) cấp ngày 13/9/1994.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm con tuyên về thẩm định, định giá, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm ngày 04/9/2019, nguyên đơn ông Đinh Văn T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Tại phiên toà các bên đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới và cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn ông Đinh Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn không chấp nhận những yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nguyên đơn ông Đinh Văn T có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định. Đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự P thẩm nên vụ án được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa gồm:* Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt và đã có lời khai tại Tòa án và xin xét xử vắng mặt, đồng thời các đương sự có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương là phù hợp.

[3.1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Văn T về việc buộc ông Nguyễn Trung Đ và bà Bùi Thị Tuyết M phải trả diện tích 500 $m^2$ đất tại thôn C, xã B, thị xã H cho gia đình ông. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của ông T và bà M vào năm 1995 gia đình ông có nhận chuyển nhượng một lô đất diện tích 9.500$m^2$ của ông Nguyễn Văn P, sau đó thiếu 500 $m^2$, ông P cắt thêm cho ông T phía dưới đường đi 500m2, có tứ cận: phía đông giáp đất của ông Đ; phía tây và phía nam giáp đất của ông P, phía bắc giáp đường đi. Đến năm 1996 ông đổi 500$m^2$ mà ông P chuyển nhượng cho ông để đổi cho ông Đ. ông Đ lấy phần đất 500$m^2$ của ông để làm nhà còn ông (T) lấy phần đất của ông Đ ở dưới sình để tưới cà phê, cho đến nay ông Đ không giao 500$m^2$ đất sình cho gia đình ông. Để chứng minh cho yêu cầu trên ông T có giao nộp chứng cứ cho Tòa án một văn bản chuyển nhượng đất giữa ông và ông P đề ngày 09/6/1995 nhưng trên thực tế lập vào năm 2016 và có một số người ký xác nhận vào giấy sang nhượng đó vào tháng 07 năm 2017.

Xét giấy sang nhượng đất diện tích 500$m^2$ giữa ông P là người chuyển nhượng và ông T là người nhận chuyển nhượng được lập vào năm 2011, nhận thấy việc chuyển nhượng đất này giữa hai bên đã được UBND huyện K, nay là UBND thị xã H cấp cho hộ ông Nguyễn Trung Đ vào ngày 13/9/1994. Về hình thức văn bản chuyển nhượng này về thời gian có sự mâu thuẫn đề năm 1995 nhưng lại được lập vào năm 2011, để chứng minh cho mâu thuẫn trên ông T cho rằng giấy chuyển nhượng cũ đã thất lạc. Do vậy văn bản chuyển nhương này vi phạm cả nội dung và hình thức dẫn đến chứng cứ này, không phải là chứng cứ chứng minh quyền sở hữu 500$m^2$ tại thôn C, xã B, thị xã B H là của ông T.

Xét lời trình bày của các nhân chứng đã ký vào giấy sang nhượng đất giữa ông T và ông P gồm bà Hoàng Thị T, Đinh Thị Đ, ông Hoàng Văn P và ông Đinh Kim G đều có lời trình bày giống nhau "Về nội dung trong giấy sang nhượng giữa ông P với ông T ngày 09/6/1995 tôi không biết rõ. Thời gian ký xác nhận vào tháng 7/2017", đồng thời không chứng kiến việc chuyển nhượng đất. Như vậy những lời trình bày trên không có cơ sở xem xét 500m$^2$ tại thôn C, xã B, thị xã H là thuộc quyền sử dụng của ông T.

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông T cho rằng giữa ông và ông Đ có việc hoán đổi đất vào năm 1996, ông Đ lấy 500m$^2$ đất giáp đường đi của gia đình ông, ông T lấy 500m$^2$ đất sình của gia đình ông Đ, cho đến nay gia đình ông Đ vẫn chưa giao 500m$^2$ đất sình cho gia đình ông. Nhận thấy nguyên đơn ông T khẳng định là có sự thỏa thuận miệng với nhau về việc hoán đổi đất, nhưng sự thỏa thuận đó không có ai biết và chứng kiến, về phía bị đơn ông Đ không thừa nhận, ngoài chứng cứ trên ông T cũng không có chứng cứ nào chưng minh là có việc thỏa thuận hoán đổi đất giữa các bên. Nên không có căn cứ để xem xét có sự thỏa thuận hoán đổi đất giữa ông T và ông Đ.

[3.2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông T về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0430115 của ông Nguyễn Trung Đ, thửa đất số 88, tờ bản đồ số 14, diện tích 4.530m$^2$ do UBND huyện K (nay là UBND thị xã H) cấp ngày 13/9/1994 là không có cơ sở. Bởi nguồn gốc đất được cấp là do vợ chồng ông Đ tự khai phá, việc cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Đ đúng trình tự thủ tục. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn T hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0430115 cấp cho hộ ông Nguyễn Trung Đ, thửa đất số 88, tờ bản đồ số 14, diện tích 4.530m$^2$ do UBND huyện K (nay là UBND thị xã H) cấp ngày 13/9/1994. Là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Từ những phân tích, nhận định ở mục [3.1] và [3.2]. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn ông Đinh Văn T kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ nào mới để làm căn cứ xem xét thay đổi nội dung quyết định của Bản án sơ thẩm. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận. Bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Văn T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí: Về án phí dân sư sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm tính sai nên sửa về phần này để tính lại án phí dân sư sơ thẩm cho đúng quy định của pháp cụ thể: Theo biên bản định giá ngày 24/5/2019 của Hội đồng định giá. Thì tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 103.641.200 đồng x 5% = 5.182.000 đồng. Nhưng ông T được khấu trừ 625.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông đã nộp theo biên lai số AA/2017/0002299 ngày 08/01/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí P thẩm mà ông đã nộp

theo biên lai số AA/2019/0000245 ngày 11/9/2019 Chi cục thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đắk Lắk. Ông Đinh Văn T còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sư sơ thẩm là 4.257.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm nên ông T không phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự P thẩm. Số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí P thẩm mà ông đã nộp theo biên lai số AA/2019/0000245 ngày 11/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đắk Lắk. Được trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà ông phải nộp.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 313, Điều Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 221 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các Điều 24; 36; 73 Luật đất đai năm 1993;Các Điều 202, 203 Luật đất đai năm 2013.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Văn T.

[2]. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn T về yêu cầu ông Nguyễn Trung Đ phải trả diện tích 500m$^2$ đất thuộc thửa đất số 88, tờ bản đồ số 14, diện tích 4.530m$^2$ do UBND huyện K (nay là UBND thị xã H) cấp ngày 13/9/1994 hộ ông Nguyễn Trung Đ có vị trí tứ cận như sau: Phía đông giáp đất của ông Đông; phía tây và phía nam giáp đất của ông P, phía bắc giáp đường đi.

[4]. Không chấp nhận yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0430115 cấp cho hộ ông Nguyễn Trung Đ, thửa đất số 88, tờ bản đồ số 14, diện tích 4530m$^2$ do UBND huyện K (nay là UBND thị xã H) cấp ngày 13/9/1994.

[5]. Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 2.100.000 đồng. Ông Đinh Văn T phải chịu 2.100.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản (Ông T đã nộp và chi phí xong).

[6]. Về án phí:

[6.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đinh Văn T phải chịu 5.182.000 đồng được khấu trừ 625.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông T đã nộp theo biên lai số AA/2017/0002299 ngày 08/01/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông đã nộp theo biên lai số AA/2019/0000245 ngày 11/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự

thị xã H, tỉnh Đắk Lắk. Ông Đinh Văn T còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sư sơ thẩm là 4.257.000 đồng.

[6.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đinh Văn T không phải chịu án phí dân sự P thẩm.

[7]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND cấp cao;
- TAND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Bằng**